

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VIỆC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠT CHUẨN NGHỀ NGHIỆP Ở QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Dương Anh Tuấn - Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Đống Đa, Hà Nội

Ngày nhận bài: 05/6/2019; ngày chỉnh sửa: 15/6/2019; ngày duyệt đăng: 20/6/2019.

Abstract: Fostering teachers meeting professional standards is an urgent requirement of Education today. The article analyzes and evaluates the current status of managing fostering for secondary school teachers meeting professional standards in Dong Da district, Hanoi city.

Keywords: Management, fostering, teacher, secondary school, professional standards.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, yêu cầu thực tiễn đặt ra cho giáo dục trung học cơ sở (THCS), giáo viên (GV) không chỉ đạt chuẩn về trình độ đào tạo mà còn phải đạt Chuẩn nghề nghiệp. Ngày 22/8/2018, Bộ GD-ĐT ban hành Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông [1]. Nội dung của Thông tư gồm 5 tiêu chuẩn được cụ thể hóa thành 15 tiêu chí, trong mỗi tiêu chí đều xác định các mức độ đạt, khá và cao nhất là mức tốt. Đây là một trong những căn cứ quan trọng đối với phòng giáo dục trong việc quản lý GV phấn đấu đạt Chuẩn nghề nghiệp, nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với chủ trương giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực người học [2].

Từ những chủ trương của Đảng, của ngành Giáo dục, việc triển khai bồi dưỡng GV đạt Chuẩn nghề nghiệp là

yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở đó, bài viết đi sâu tìm hiểu, đánh giá thực trạng các vấn đề: *Quản lý thực hiện mục tiêu bồi dưỡng; Quản lý thực hiện nội dung bồi dưỡng theo 5 tiêu chuẩn nghề nghiệp GV THCS; Quản lý sử dụng các hình thức bồi dưỡng; Quản lý các phương pháp bồi dưỡng; Quản lý việc xây dựng, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, phục vụ bồi dưỡng; Quản lý việc đánh giá kết quả và sử dụng kết quả bồi dưỡng GV THCS* [3], [4], [5].

2. Nội dung nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 213 khách thể, bao gồm: 46 cán bộ quản lý (CBQL), trong đó có 11 cán bộ cấp phòng, 16 hiệu trưởng và 19 phó hiệu trưởng các trường THCS quận Đống Đa, TP. Hà Nội; 58 GV đạt Chuẩn và 109 GV chưa đạt Chuẩn. Thời gian khảo sát được tiến hành tháng 4/2019. Kết quả thu được như sau:

2.1. Quản lý thực hiện mục tiêu bồi dưỡng

Bảng 1. Thực trạng quản lý mục tiêu bồi dưỡng GV THCS đạt Chuẩn nghề nghiệp
1 điểm ≤ ĐTB ≤ 3 điểm

TT	Quản lý thực hiện mục tiêu bồi dưỡng	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đạt mục tiêu Chuẩn hóa nghề GV THCS theo 5 tiêu chuẩn với 15 tiêu chí quy định	2,35	0,58	2,35	0,45	2,23	0,52	2,31	0,52
2	Cập nhật kiến thức chuyên môn (bồi dưỡng thường xuyên)	2,38	0,56	2,32	0,53	2,19	0,56	2,30	0,55
3	Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt Chuẩn ở mức tốt	2,27	0,49	2,21	0,48	2,16	0,48	2,21	0,48
4	Giúp cho việc đổi mới chương trình, tổ chức thực hiện chương trình dạy học, giáo dục theo hướng phát triển năng lực HS	2,14	0,53	2,17	0,42	2,08	0,57	2,13	0,51
5	Bổ sung kịp thời, có hiệu quả những thiếu hụt về kiến thức, chuyên môn đáp ứng yêu cầu cao của đổi mới GD-ĐT	2,12	0,51	2,05	0,46	1,96	0,54	2,04	0,50
Trung bình		2,25	0,53	2,22	0,47	2,12	0,53	2,20	0,51

Đánh giá theo mẫu chung: Quản lý thực hiện mục tiêu bồi dưỡng đạt mức khá, ĐTB = 2,20, điều này tạo thuận lợi cho việc thực hiện quản lý quá trình bồi dưỡng. Việc quản lý “Đạt mục tiêu Chuẩn hóa nghề GV THCS theo 5 tiêu chuẩn với 15 tiêu chí quy định” với ĐTB = 2,31. Việc “Cập nhật kiến thức chuyên môn (bồi dưỡng thường xuyên)” có kết quả khá cao, ĐTB = 2,30. Trong khi đó, mục tiêu “Bổ sung kịp thời, có hiệu quả những thiếu hụt về kiến thức, chuyên môn hiện có đáp ứng yêu cầu cao của đổi mới GD-ĐT” với ĐTB = 2,04, ở mức trung bình.

Đánh giá theo nhóm khách thể: Đánh giá của CBQL có kết quả khá cao, với ĐTB = 2,25, trong khi đó, đánh giá của GV đạt Chuẩn ĐTB = 2,22, đánh giá của GV chưa đạt Chuẩn thấp hơn, với ĐTB = 2,12. Trên từng mục tiêu quản lý, mục tiêu “Đạt mục tiêu Chuẩn hóa nghề GV THCS theo 5 tiêu chuẩn với 15 tiêu chí quy định (bồi dưỡng đạt Chuẩn)” ba nhóm đồng thời đánh giá hiệu quả quản lý đạt tốt nhất, trong khi đó, đánh giá của ba nhóm khách thể về mục tiêu “Bổ sung kịp thời, có hiệu quả những thiếu hụt về kiến thức, chuyên môn hiện có đáp ứng yêu cầu cao của đổi mới GD-ĐT” có kết quả không cao. Như vậy, việc quản lý thực hiện mục tiêu bồi dưỡng tuy có những kết quả tích cực song còn những hạn chế.

2.2. Quản lý thực hiện nội dung bồi dưỡng theo 5 tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

Bảng 2. Thực trạng quản lý nội dung bồi dưỡng theo 5 tiêu chuẩn nghề nghiệp GV THCS
1 điểm ≤ ĐTB ≤ 3 điểm

TT	Quản lý các nội dung bồi dưỡng	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phẩm chất nhà giáo	2,45	0,55	2,51	0,57	2,32	0,51	2,43	0,54
2	Phát triển chuyên môn nghiệp vụ	2,68	0,48	2,63	0,52	2,61	0,58	2,64	0,53
3	Xây dựng môi trường giáo dục	2,37	0,53	2,43	0,56	2,28	0,63	2,36	0,57
4	Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	2,34	0,46	2,37	0,49	2,26	0,54	2,32	0,50
5	Sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sử dụng thiết bị công nghệ dạy học giáo dục	2,19	0,40	2,14	0,54	2,03	0,57	2,12	0,50
Trung bình		2,41	0,48	2,42	0,54	2,30	0,57	2,37	0,53

Đánh giá theo mẫu chung: Việc quản lý nội dung bồi dưỡng theo 5 tiêu chuẩn nghề nghiệp GV THCS trên địa bàn quận Đống Đa được đánh giá khá cao, với ĐTB = 2,37, song, đánh giá trên từng nội dung quản lý có những ý kiến khá khác biệt, cụ thể: “Phẩm chất nhà giáo” ĐTB = 2,43 và “Phát triển chuyên môn nghiệp vụ” ĐTB = 2,64 là những tiêu chuẩn được đánh giá cao nhất. Trong

khi đó, quản lý tiêu chuẩn “Sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sử dụng thiết bị công nghệ dạy học giáo dục” ĐTB = 2,12. Hạn chế rõ nhất là yêu cầu sử dụng ngoại ngữ vào giáo dục và giảng dạy ở phần lớn GV rất khó có thể đạt Chuẩn và càng khó khăn hơn khi tiến tới đạt ở mức tốt. Mặt khác, yêu cầu dạy học và giáo dục đặt ra cho GV cần biết cách chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác các nội dung dạy học và ứng dụng vào dạy học nhưng chưa được GV chú trọng. Vì thế, để tăng cường chất lượng hoạt động chuyên môn, cần đặt ra vấn đề này như một nhiệm vụ thiết thực.

Đánh giá theo nhóm khách thể: Đánh giá của GV đạt Chuẩn với ĐTB = 2,41 và CBQL có ĐTB = 2,42. Đây là những kết quả khá cao, trong khi đó, đánh giá của GV chưa đạt chuẩn nghề nghiệp thấp hơn, ĐTB = 2,30. Đối với GV chưa đạt Chuẩn nghề nghiệp có khó khăn hơn là “Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” với ĐTB = 2,26. Khó khăn rõ nhất là “Sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sử dụng thiết bị công nghệ dạy học giáo dục” với ĐTB = 2,03. Vì thế, việc bồi dưỡng nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy cần được quan tâm nhiều hơn, tạo điều kiện cho GV đạt Chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

2.3. Quản lý sử dụng các hình thức bồi dưỡng

Đánh giá theo mẫu chung: Đánh giá hiệu quả quản lý hình thức bồi dưỡng ở mức khá, với ĐTB = 2,13. Điều này thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của CBQL cấp phòng cũng như sự chủ động của đội ngũ CBQL tại 16 trường THCS trên địa bàn quận về việc quản lý các hình thức bồi dưỡng GV THCS đạt Chuẩn nghề nghiệp.

Bảng 3. Thực trạng quản lý sử dụng các hình thức bồi dưỡng
1 điểm \leq ĐTB \leq 3 điểm

TT	Quản lý các hình thức bồi dưỡng	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Bồi dưỡng tại chỗ (tại nơi công tác)	2,24	0,50	2,17	0,44	2,12	0,53	2,18	0,49
2	Bồi dưỡng tập trung (theo khóa, theo đợt tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng)	2,35	0,47	2,29	0,46	2,23	0,56	2,29	0,50
3	Bồi dưỡng trực tuyến (qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, công nghệ thông tin)	2,13	0,53	2,04	0,41	1,96	0,57	2,04	0,50
4	Tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu rèn luyện	2,06	0,42	2,03	0,45	1,91	0,59	2,00	0,49
Trung bình		2,20	0,48	2,13	0,44	2,06	0,56	2,13	0,49

Kết quả đánh giá trên từng hình thức quản lý chỉ ra tính đồng bộ chưa thể hiện rõ. Hình thức quản lý “Bồi dưỡng tập trung (theo khóa, theo đợt tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng)” được quan tâm, chú trọng nhiều hơn, ĐTB = 2,29. Hàng năm, Sở GD-ĐT cũng như quận có tổ chức các hoạt động bồi dưỡng và đều nằm trong kế hoạch tương đối cố định, việc này tạo sự thuận lợi để các trường nắm được kế hoạch cử GV tham dự. Tuy nhiên, một hạn chế là các trường còn phụ thuộc nhiều vào cấp trên, thiếu sự chủ động trong việc bồi dưỡng cho GV. Vì thế, đánh giá hình thức “Bồi dưỡng tại chỗ (tại nơi công tác)” chỉ đạt ở mức khá, ĐTB = 2,18. Hình thức “Tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu rèn luyện” chỉ đạt mức trung bình khá, ĐTB = 2,00.

Đánh giá trên các nhóm khách thể: CBQL chủ động trong xây dựng và thực hiện các hình thức quản lý bồi dưỡng GV đạt Chuẩn, nên họ đánh giá với ĐTB = 2,20. Ngược lại, đánh giá của GV đạt Chuẩn ĐTB = 2,13 và

đánh giá của GV chưa đạt Chuẩn, với ĐTB = 2,06, thấp hơn khá rõ so với đánh giá của CBQL.

CBQL và GV đạt Chuẩn thừa nhận hình thức đạt được hiệu quả rõ nhất là “Bồi dưỡng tập trung (theo khóa, theo đợt tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng)”. Trong khi đó, GV chưa đạt Chuẩn thừa nhận hình thức quản lý “Bồi dưỡng trực tuyến (qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, công nghệ thông tin)” và hình thức quản lý “Tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu rèn luyện” chỉ ở mức trung bình. Đây được xem như một thông tin quan trọng để CBQL triển khai hình thức tổ chức bồi dưỡng phù hợp với điều kiện thực tế của các trường như qua sinh hoạt tổ chuyên môn, thông qua các buổi hội thảo.

2.4. Quản lý các phương pháp bồi dưỡng

Đánh giá theo mẫu chung: Phương pháp bồi dưỡng GV đạt Chuẩn nghề nghiệp được đánh giá với ĐTB = 2,16, đáp ứng những yêu cầu cơ bản trong việc thực hiện kế hoạch và mục tiêu bồi dưỡng. Việc quản lý hai phương

Bảng 4. Thực trạng quản lý các phương pháp bồi dưỡng
1 điểm \leq ĐTB \leq 3 điểm

TT	Quản lý các phương pháp bồi dưỡng	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thuyết trình, giảng giải	2,26	0,57	2,39	0,52	2,21	0,64	2,29	0,58
2	Thực hành, trải nghiệm	2,37	0,48	2,41	0,57	2,30	0,55	2,36	0,53
3	Sinh hoạt chuyên đề, thảo luận, làm việc nhóm	2,23	0,56	2,18	0,52	2,07	0,58	2,16	0,55
4	Giao việc giải quyết các tình huống thực tế	2,14	0,51	2,06	0,58	1,94	0,63	2,05	0,57
5	Tự nghiên cứu, đề xuất giải quyết các vấn đề nảy sinh, thu hoạch chuyên đề làm bài tập nghiên cứu	2,05	0,55	1,97	0,60	1,83	0,57	1,95	0,57
Trung bình		2,21	0,53	2,20	0,56	2,07	0,59	2,16	0,56

pháp “Thuyết trình, giảng giải” với ĐTB = 2,29 và quản lý phương pháp “Thực hành, trải nghiệm” có ĐTB = 2,36. Đây là hai phương pháp vừa có tính truyền thống, vừa có tính hiện đại được sử dụng khá hiệu quả. Qua đó, các cấp quản lý thu được những thông tin phản hồi để điều chỉnh những mặt còn hạn chế và phát triển những kết quả đã đạt được, đẩy mạnh số lượng GV đạt Chuẩn nghề nghiệp ngày càng cao.

Bên cạnh một số hình thức quản lý việc bồi dưỡng có kết quả đánh giá khá cao thì các hình thức quản lý bồi dưỡng khác như “Giao việc giải quyết các tình huống thực tế” (ĐTB = 2,05) và hình thức quản lý “Tự nghiên cứu, đề xuất giải quyết các vấn đề nảy sinh, thu hoạch chuyên đề làm bài tập nghiên cứu” (ĐTB = 1,95) còn hạn chế. Trên thực tế, việc giao nhiệm vụ cho GV chủ yếu thông qua phân công giảng dạy, các hình thức khác còn ít được vận dụng.

Đánh giá theo nhóm khách thể: GV đạt Chuẩn (ĐTB = 2,20) và CBQL (ĐTB = 2,21) có sự thống nhất trong đánh giá quản lý các phương pháp bồi dưỡng. GV chưa đạt Chuẩn đánh giá việc quản lý các phương pháp bồi dưỡng có kết quả thấp hơn, với ĐTB = 2,07. Cả ba nhóm khách thể đồng thời đánh giá về hiệu quả quản lý phương pháp “Tự nghiên cứu, đề xuất giải quyết các vấn đề nảy sinh, thu hoạch chuyên đề làm bài tập nghiên cứu” còn tương đối mờ nhạt, chưa thể hiện được những yêu cầu mà thực tế đặt ra cho việc phát triển đội ngũ GV đạt Chuẩn nghề nghiệp.

2.5. Quản lý việc xây dựng, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, phục vụ bồi dưỡng

Đội ngũ GV đạt Chuẩn nghề nghiệp chưa được quan tâm thỏa đáng, kết quả đánh giá ĐTB = 2,10. Đặc biệt, đánh giá hiệu quả “Xây dựng, sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, thiết bị giáo dục trong bồi dưỡng, trong đánh giá, quản lý việc bồi dưỡng và hồ sơ kết quả bồi dưỡng” (với ĐTB = 1,93) còn hạn chế. Các trường hiện có kết nối Internet và hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư khá đồng bộ nhưng sự chủ động của các trường chưa thể hiện rõ việc phát huy hệ thống cơ sở hạ tầng để hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng GV cũng như giúp GV tự bồi dưỡng đạt Chuẩn nghề nghiệp.

Việc “Sử dụng hợp lý có hiệu quả kinh phí, ngân sách cung cấp cho bồi dưỡng GV” tuy được đánh giá cao nhưng kết quả (ĐTB = 2,08) cũng chỉ ở mức trung bình. Thực chất ngân sách dành cho bồi dưỡng GV đạt Chuẩn còn hạn hẹp, cho nên, việc chi trả cho các báo cáo viên, cho CBQL và GV tham gia bồi dưỡng chưa thỏa đáng. Đó cũng là nguyên nhân hạn chế việc quản lý xây dựng, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, ... phục vụ bồi dưỡng GV THCS ở quận đạt Chuẩn nghề nghiệp.

Đánh giá theo nhóm khách thể: CBQL có kết quả đánh giá (ĐTB = 2,11) cao hơn so với đánh giá của GV đạt Chuẩn (ĐTB = 2,04), khác biệt không đáng kể nhưng so với đánh giá của GV chưa đạt Chuẩn có sự chênh lệch khá rõ (ĐTB = 1,87). Cả ba nhóm khách thể có kết quả đánh giá việc “Sử dụng hợp lý có hiệu quả kinh phí, ngân sách cung cấp cho bồi dưỡng GV” tương đồng. Nhưng việc “Xây dựng, sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, thiết bị giáo dục trong bồi dưỡng, trong đánh giá, quản lý việc

*Bảng 5. Thực trạng quản lý việc xây dựng, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, phục vụ bồi dưỡng
1 điểm ≤ ĐTB ≤ 3 điểm*

TT	Quản lý xây dựng cơ sở vật chất	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Sử dụng hợp lý có hiệu quả kinh phí, ngân sách cung cấp cho bồi dưỡng GV	2,18	0,51	2,13	0,41	1,94	0,55	2,08	0,49
2	Huy động sự tham gia đóng góp của các cơ sở, các ngành và toàn xã hội	2,12	0,57	2,05	0,53	1,87	0,67	2,01	0,59
3	Xây dựng, sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, thiết bị giáo dục trong bồi dưỡng, trong đánh giá, quản lý việc bồi dưỡng và hồ sơ kết quả bồi dưỡng	2,03	0,54	1,94	0,48	1,81	0,59	1,93	0,54
Trung bình		2,11	0,54	2,04	0,47	1,87	0,60	2,01	0,54

Đánh giá theo mẫu chung: Các trường THCS trên địa bàn quận có điều kiện cơ sở vật chất khang trang, song vấn đề quản lý cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu xây dựng

bồi dưỡng và hồ sơ kết quả bồi dưỡng” được CBQL đánh giá cao nhất, còn đánh giá thấp nhất thuộc về GV chưa đạt Chuẩn.

2.6. Quản lý việc đánh giá kết quả và sử dụng kết quả bồi dưỡng

ng nghiệp để các cấp quản lý, cán bộ lãnh đạo, quản lý và các ban đồng nghiệp cùng tham khảo.

Bảng 6. Thực trạng quản lý việc đánh giá kết quả và sử dụng kết quả bồi dưỡng
1 điểm \leq ĐTB \leq 3 điểm

TT	Quản lý việc đánh giá kết quả và sử dụng kết quả bồi dưỡng	CBQL		GV đạt Chuẩn		GV chưa đạt Chuẩn		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả bồi dưỡng	2,19	0,62	2,23	0,55	2,03	0,47	2,15	0,55
2	Quản lý đánh giá qua thực tế trải nghiệm	1,92	0,56	1,87	0,52	1,76	0,43	1,85	0,50
3	Quản lý lưu trữ hồ sơ đánh giá bồi dưỡng GV	2,13	0,49	2,16	0,58	1,95	0,51	2,08	0,53
4	Sử dụng kết quả bồi dưỡng GV đạt Chuẩn	2,15	0,53	2,12	0,54	2,16	0,45	2,14	0,51
Trung bình		2,10	0,55	2,10	0,55	1,98	0,47	2,06	0,52

Đánh giá theo mẫu chung

Đánh giá thực trạng sử dụng kết quả bồi dưỡng ở mức trung bình, ĐTB = 2,06. Trên thực tế, trong số các tiêu chuẩn đề ra thì tiêu chuẩn phẩm chất nhà giáo và tiêu chuẩn phát triển chuyên môn đạt kết quả khá cao, trong khi đó, tiêu chuẩn về khả năng, năng lực sử dụng ngoại ngữ dường như tương đối khó đạt. Số GV đạt Chuẩn nghề nghiệp ở các mức đạt, khá và tốt có khoảng cách nhất định, chưa có hướng dẫn về việc sử dụng mức độ đạt Chuẩn nên các cấp quản lý, các nhà trường cũng có những lúng túng nhất định. Việc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động bồi dưỡng còn hạn chế, cần kinh phí cho việc tiếp tục sau bồi dưỡng chưa được đặt ra, cho nên việc sử dụng kết quả sau bồi dưỡng còn có những hạn chế. Kết quả đánh giá “Quản lý việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả bồi dưỡng” tuy cao hơn (ĐTB = 2,15) so với các công việc khác nhưng vẫn còn tồn tại bất cập. Hạn chế thể hiện rõ nhất là việc “Quản lý đánh giá qua thực tế trải nghiệm” có kết quả chỉ ở mức trung bình, ĐTB = 1,85.

Đánh giá theo nhóm khách thể: Về việc này, CBQL và GV đạt Chuẩn đánh giá kết quả (ĐTB = 2,10) tương đồng, song GV chưa đạt Chuẩn đánh giá thấp hơn, với ĐTB = 1,98. Khi đánh giá từng công việc, GV có kết quả đánh giá trội nhất ở việc “Quản lý việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả bồi dưỡng” với ĐTB = 2,23. Trong khi đó, GV chưa đạt Chuẩn cho rằng “Quản lý đánh giá qua thực tế trải nghiệm” đạt thấp nhất, với ĐTB = 1,76.

Tóm lại, trong giới hạn về thời gian, điều kiện nghiên cứu, chúng tôi chỉ nêu lên một số kết quả nghiên cứu bước đầu về một hiện trạng quản lý việc bồi dưỡng GV THCS ở quận Đống Đa, TP. Hà Nội theo Chuẩn nghề

3. Kết luận

Thực trạng quản lý bồi dưỡng GV THCS quận Đống Đa, TP. Hà Nội đạt được những kết quả tích cực, song còn những hạn chế cần được khắc phục. Cụ thể, quản lý mục tiêu bồi dưỡng GV thể hiện khá rõ mục tiêu Chuẩn hóa nghề GV THCS. Bên cạnh đó, việc đổi mới chương trình, tổ chức thực hiện chương trình dạy học, giáo dục theo hướng phát triển năng lực HS cần được quan tâm hơn nữa. Quản lý nội dung bồi dưỡng các tiêu chuẩn nghề nghiệp nhà giáo khá cao [6], nổi trội là bồi dưỡng phẩm chất nhà giáo và bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ. Mặt khác, hiệu quả quản lý sử dụng các hình thức bồi dưỡng tương đối tích cực, trọng tâm là bồi dưỡng tập trung thể khóa. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý các phương pháp bồi dưỡng tương đối nhấn mạnh vào thực hành, trải nghiệm mà chưa thực sự quan tâm đưa ra yêu cầu tự nghiên cứu, đề xuất giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục. Hơn nữa, hiệu quả quản lý xây dựng, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, ... phục vụ bồi dưỡng chưa đậm nét, đặc biệt là xây dựng, sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, thiết bị giáo dục trong bồi dưỡng ở mức trung bình. Công tác chỉ đạo của Phòng GD-ĐT đạt được kết quả tích cực, nhưng công tác tham mưu cần sâu sát hơn. Để khắc phục những hạn chế trên, đề tài đề xuất các giải pháp, gồm: Tăng cường hiệu quả của việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng; Tổ chức bộ máy và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng; Tăng cường chỉ đạo của cấp phòng trong bồi dưỡng GV THCS quận Đống Đa đạt Chuẩn nghề nghiệp; Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng và biện pháp hoàn thiện, bổ sung cơ chế chính sách phục vụ việc bồi dưỡng GV THCS đạt chuẩn.

(Xem tiếp trang 31)

Từ bảng và biểu đồ trên, cho thấy: SV đánh giá hiệu quả của giải pháp trên 8 tiêu chí với các mức độ Rất hiệu quả và Hiệu quả là chủ yếu. Điều này khẳng định tính chất ưu việt của phương pháp: giúp SV tích cực, hứng thú và sáng tạo; biết cách làm việc nhóm; hệ thống hóa được kiến thức và phát triển các kỹ năng sống, năng lực của bản thân như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hợp tác và tự duy phê phán qua việc nhận xét, đánh giá bài học...

Từ việc phân tích nội dung giải pháp cùng với những số liệu minh chứng về hiệu quả của nó, có thể thấy, việc sử dụng kết hợp kỹ thuật SĐTĐ với PPDH theo nhóm đã góp phần tích cực hóa hoạt động người học trong học tập, đổi mới PPDH đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Giải pháp này cũng đã chỉ ra cách thiết kế SĐTĐ, quy trình dạy học có sử dụng kết hợp kỹ thuật SĐTĐ với PPDH theo nhóm một cách khoa học, không chỉ áp dụng trong dạy học các môn Tâm lý - Giáo dục học, mà cả các môn học khác ở bậc cao đẳng, đại học. Thậm chí, các giáo viên phổ thông cũng có thể tham khảo, áp dụng trong dạy học ở bậc phổ thông.

2.4.2. Những thuận lợi, khó khăn khi áp dụng giải pháp

Áp dụng kỹ thuật SĐTĐ với PPDH theo nhóm trong dạy học có tính khả thi cao vì có thể vận dụng được với bất kỳ điều kiện cơ sở vật chất nào của các nhà trường hiện nay. Có thể thiết kế SĐTĐ trên giấy, bìa, bảng phụ,... bằng cách sử dụng bút chì màu, phấn, tẩy,... hoặc cũng có thể thiết kế trên phần mềm SĐTĐ. Với trường có điều kiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốt có thể cài vào máy tính phần mềm Mindmap cho giáo viên và HS sử dụng.

Việc vận dụng kết hợp kỹ thuật SĐTĐ với PPDH theo nhóm trong dạy học mặc dù đem lại hiệu quả nhất định, song việc thực hiện nó không phải dễ dàng, vẫn có nhiều khó khăn như:

- Đòi hỏi thực hiện những kỹ năng khá phức tạp trong giảng dạy, như cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích người học tranh luận, dẫn dắt mạch thảo luận, nhận xét, phản biện.

- Lớp học quá đông so với không gian lớp học, bàn ghế chưa phù hợp, một số HS tính tự giác chưa cao,...

3. Kết luận

Tóm lại, việc kết hợp SĐTĐ với PPDH theo nhóm trong dạy học đã chứng tỏ tính ưu việt vượt trội của nó trong việc đưa người học lên đến vị trí trung tâm của quá trình dạy học, tăng hứng thú học tập của người học, góp một phần không nhỏ vào việc khai thác tiềm năng trí tuệ của người học, phát huy tối đa tính tích cực và sáng tạo của họ trong học tập và góp phần không nhỏ vào việc đổi mới PPDH.

Vì vậy, giáo viên cần ý thức được tính cần thiết của việc áp dụng kỹ thuật SĐTĐ với PPDH theo nhóm trong dạy học, có thói quen thường xuyên soạn bài, thiết kế bài dạy, tóm tắt bài học bằng SĐTĐ thể hiện sự logic, chặt chẽ; hướng dẫn, khuyến khích SV thường xuyên ghi bài bằng SĐTĐ; đánh giá đúng mức kết quả hoạt động của những nhóm SV không

chỉ về nội dung kiến thức, về tính thẩm mỹ, khoa học trong SĐTĐ của nhóm mà còn là thái độ hợp tác, trách nhiệm của các thành viên đóng góp vào nhóm như thế nào.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên, 2017). *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT - Dự án Việt - Bỉ (2010). *Nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Trịnh Văn Biều (2005). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Tony Buzan (2007). *Bản đồ tư duy trong công việc* (New Thinking Group dịch). NXB Lao động - Xã hội.
- [5] Trần Bá Hoành (2003). *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tâm lý - Giáo dục học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] John C. Maxwell (2008). *17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm*. NXB Lao động - Xã hội.
- [7] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] <http://www.sodotuduy.com/so-do-tu-duy/huong-dan-cach-ve-so-do-tu-duy-cu-the.html>.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ...

(Tiếp theo trang 15)

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Phạm Ngọc Anh (2016). *Một số giải pháp bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trung học cơ sở thành phố Hà Nội theo Chuẩn nghề nghiệp*. Tạp chí Giáo dục, số 393, tr 9-11.
- [4] Bộ GD-ĐT (2018). *Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT, ngày 10/8/2018 về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019 của ngành giáo dục*.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2018). *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
- [6] Phạm Hồng Quang - Nguyễn Danh Nam (2016). *Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 2-5.
- [7] Bộ GD-ĐT (2012). *Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT, ngày 20/01/2012 về việc ban hành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục*.